

Số: 164/KH-UBND

Nam Đông, ngày 09 tháng 12 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Thực hiện Kế hoạch số 121-KH/HU ngày 28/11/2019 của Huyện ủy Nam Đông về việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. UBND huyện Nam Đông xây dựng Kế hoạch thực hiện với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Xác định cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để các cơ quan, đơn vị và các địa phương nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của huyện, đảm bảo phù hợp với quan điểm, định hướng được đề ra trong Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 121-KH/HU ngày 28/11/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các cơ quan, đơn vị, địa phương và nhân dân trong huyện về yêu cầu cấp bách phải nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực để khắc phục những hạn chế, yếu kém của nền kinh tế hiện nay; tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy.

3. Kế hoạch này là căn cứ cho các cơ quan, đơn vị và các địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công; đồng thời là căn cứ để tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và các địa phương.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của huyện nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đổi mới định hướng đầu tư và mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; mở rộng liên kết, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, khai thác tối đa mọi tiềm năng, lợi thế để nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức mạnh cạnh tranh của huyện. Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa – xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đảm bảo môi trường, an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nhất là dân cư nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với nguồn nhân lực

- Đến năm 2025: Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 50% tổng số lao động của huyện. Khắc phục cơ bản tình trạng mất cân đối cung – cầu nhân lực; thiết lập hệ thống sắp xếp công việc dựa trên vị trí việc làm, cũng cố hệ thống nhân sự theo vị trí việc làm.

- Đến năm 2035: Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 35% tổng số lao động của huyện. Phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ nhân lực làm công tác khoa học, công nghệ.

- Đến năm 2045: Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 25% tổng số lao động của huyện. Năng suất lao động và năng lực cạnh tranh nhân lực của huyện đạt mức khá so với bình quân của tỉnh.

b) Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2025:

+ Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản theo hướng tiết kiệm, hiệu quả. Chấm dứt hoạt động của các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sử dụng đất đai kém hiệu quả, ảnh hưởng đến môi trường; 98,5% chất thải rắn được kiểm soát và xử lý. Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển bền vững, tập trung phát triển du lịch, dịch vụ đồng bộ với hệ thống pháp luật.

+ Phát triển hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng của huyện cơ bản đồng bộ và hiện đại. Hoàn thành dứt điểm các công trình có tính chất cấp bách, trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện hiệu quả các quy hoạch, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển du lịch, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện.

- Đến năm 2035:

+ Xây dựng quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất bảo đảm khoảng 99% diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước.

+ Phát triển hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện đồng bộ, cơ bản hiện đại; kết nối thuận tiện, nhanh chóng với các địa bàn lân cận, trọng tâm là dịch vụ chất lượng cao về du lịch, đào tạo nguồn nhân lực.

- Đến năm 2045:

+ Chủ động ngăn ngừa hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường; quản lý tổng hợp, khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên nước; quản lý tài nguyên đất và tài nguyên khoáng sản theo hướng khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững; ứng phó kịp thời và thích nghi với thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên; bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái.

+ Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng của huyện đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt với các huyện lân cận.

c) Đối với nguồn tài lực

- Đến năm 2025: Thu ngân sách nhà nước từ đất đai đạt 12% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Đến năm 2035: Phân bổ, sử dụng và quản lý hiệu quả các nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Thu ngân sách nhà nước từ đất đai đạt 10% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Đến năm 2045: Giữ ổn định thu ngân sách nhà nước từ đất đai đạt 8% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Giai đoạn 2019-2045: Tổng vốn huy động tăng trưởng bình quân 12%/năm, dư nợ tín dụng tăng trưởng 14%/năm; nợ xấu hàng năm duy trì dưới mức cho phép theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực

2.1. Đối với nguồn nhân lực

a) Nâng cao sự lãnh đạo, chỉ đạo quản lý của nhà nước về phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của huyện

- Tăng cường phổ biến chủ trương, chính sách lao động, việc làm nhằm nâng cao nhận thức của người dân về phát triển nhân lực gắn kết với nhu cầu thị trường lao động, giải quyết việc làm. Chủ động làm đầu mối gắn kết công tác quản lý, dự báo, cân đối nhu cầu đào tạo nhân lực và hỗ trợ việc làm cho lao động giữa các ngành, địa phương, cơ sở đào tạo và các tổ chức kinh tế.

- Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp... trong phát triển nguồn nhân lực.

b) Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực

- Đối với nguồn nhân lực trong khu vực nhà nước

+ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm gắn với kết quả hoạt động công vụ và hiệu suất làm việc. Hoàn chỉnh quy trình đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở năng lực đóng góp, kết quả và năng suất lao động thực tế.

+ Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ công việc. Tổ chức và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm của huyện, Chương trình trọng điểm cải cách hành chính về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2021 và những năm tiếp theo.

+ Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng và sử dụng có hiệu quả nhân tài; thực hiện tốt chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Thực hiện chế độ đãi ngộ tương xứng với trình độ, năng lực và kết quả công việc.

Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị. Thực hiện nghiêm việc bỏ vào ngạch

công chức hoặc chức danh nghề nghiệp theo quy định. Đẩy mạnh trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng lao động.

- Khu vực ngoài nhà nước:

+ Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục nghề nghiệp, tập trung các nguồn lực cho giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức triển khai các hoạt động gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, thị trường lao động, việc làm và an sinh xã hội.

+ Triển khai các chương trình liên kết đào tạo chất lượng cao, ưu tiên đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Thực hiện có hiệu quả các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo tại chỗ trong doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo và quản lý giáo dục nghề nghiệp.

c) Thực hiện tốt thể chế phát triển thị trường lao động

- Triển khai thực hiện các chính sách về tiền lương theo quy định.

- Các ngành, địa phương chủ động làm đầu mối trong liên kết giữa nhà đầu tư, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề để đào tạo theo đơn đặt hàng, cung ứng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu cho doanh nghiệp. Tổ chức điều tra, rà soát nhu cầu học nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Các cơ sở đào tạo chủ động tổ chức các hoạt động tạo việc làm, ngày hội việc làm việc làm.

2.2. Đối với nguồn vật lực

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Tài nguyên đất và tài nguyên rừng: Rà soát đề xuất sửa đổi thủ tục hành chính trong quản lý đất đai, theo hướng đảm bảo tính công khai, minh bạch, thuận tiện. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc thẩm định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường và đúng quy định.

Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng để duy trì độ che phủ rừng trên địa bàn huyện trên 83,4%. Nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị từng loại rừng, đặc biệt là rừng trồng sản xuất thông qua việc liên kết theo chuỗi từ sản xuất, chế biến và xuất khẩu; tăng diện tích trồng rừng gỗ lớn có chứng nhận FSC, gỗ quý và lâm sản ngoài gỗ. Triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp.

Thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản. Chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn; khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp nông nghiệp.

- Tài nguyên nước: Rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện cơ chế, chính sách về lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; thực hiện các giải pháp sử dụng tiết kiệm các nguồn nước, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi gây ô nhiễm nguồn nước.

- Tài nguyên khoáng sản: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản và quản lý môi trường; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm hoạt động khai thác khoáng sản trái phép. Nâng cao trách nhiệm trong quản lý khoáng sản và phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

b) Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tăng cường xã hội hóa, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tư nhân hóa và đấu thầu khai thác, cung cấp các dịch vụ công. Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng. Chủ động quy hoạch và xây dựng các khu tái định cư, kế hoạch tái định cư, bảo đảm quyền lợi của người bị thu hồi đất. Xử lý nghiêm các hành vi cố tình không chấp hành quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và các giai đoạn tiếp theo. Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, kiên quyết chấm dứt đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, để tập trung đầu tư cho các công trình có tính cấp bách, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng đảm bảo tính đồng bộ, tính kết nối. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; xử lý nghiêm các vi phạm gây tổn thất, lãng phí.

- Quản lý chặt chẽ đầu tư công, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư kết cấu hạ tầng. Tăng cường tư vấn, giám sát độc lập nhằm nâng cao chất lượng công trình; kiểm soát chặt chẽ suất đầu tư, rút ngắn tiến độ thực hiện để đưa vào khai thác sử dụng và quản lý có hiệu quả. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động, tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với nhà nước trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

2.3. Đối với nguồn tài lực

- Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính, ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu và nợ đọng thuế. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn vốn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyên nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

- Thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý, giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực

thực hiện cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và nhiệm vụ an ninh quốc phòng địa phương.

- Các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện đầy đủ, kịp thời các giải pháp về tiền tệ, tín dụng hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Ưu tiên tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên. Tích cực triển khai các giải pháp xử lý nợ xấu.

- Xây dựng phương án giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; khuyến khích, hỗ trợ thực hiện xã hội hóa đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này xây dựng kế hoạch thực hiện của đơn vị mình, chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đề xuất UBND huyện (thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch) điều chỉnh những nội dung, nhiệm vụ do thực tế phát sinh phù hợp với các mục tiêu, yêu cầu trong Nghị quyết của Bộ Chính trị, Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng năm (trước 25 tháng 12) báo cáo Chủ tịch UBND huyện tình hình thực hiện, đồng thời gửi báo cáo cho Phòng Tài chính – Kế hoạch để theo dõi và tổng hợp.

3. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời điều chỉnh các chương trình, kế hoạch giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PTC UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ VN huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng